TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HN** **TỈNH ĐỒNG THÁP** Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST Ngày: 01-11 -2019 V/v " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thống.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Ngọc Canh;

2. Bà Ngô Thị Diễm Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019, về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST –HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị N, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm TĐ, phường AL, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn B, sinh năm 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm TĐ, phường AL, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị N trình bày:**

- Về hôn nhân: Vào năm 2006, được gia đình hai bên đồng ý chị và anh Đặng Văn B cưới nhau, nhưng từ đó đến nay chị và anh B không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng ngay lúc đầu đã không hạnh phúc, thường hay cự cãi nhau. Khoảng vài năm trở lại đây, thì mỗi khi anh B đi nhậu về thì quậy và đánh chị,

nhưng chị cố gắng chịu đựng vì muốn lo cho con. Khoảng hơn một năm nay, thì chị và anh B sống ly thân với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không duy trì được, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đặng Văn B.

- Về con chung: Chị và anh B chung sống có 01 con chung tên Đặng Hoài K, sinh ngày 18/01/2007 (hiện đang sống chung với chị). Nay ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung vì chị có khả năng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Bị đơn anh Đặng Văn B trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị N về quá trình chung sống và nguyên nhân dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau. Qua yêu cầu ly hôn của chị N, anh thống nhất ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Hoài K, sinh ngày 18/01/2007. (hiện cháu đang sống chung với chị N), anh thống nhất giao cháu K cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình: Không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Phan Thị N và anh Đặng Văn B; Về con chung: giao cháu Đặng Hoài K, sinh ngày 18/01/2007 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu K, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn anh Đặng Văn B có hộ khẩu thường trú tại khóm TĐ, phường AL, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã HN theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Đặng Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Phan Thị N yêu cầu ly hôn với anh Đặng Văn B, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh B cưới nhau vào năm 2006, từ đó đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu đã không hạnh phúc, nhưng có 01 con chung với nhau vào năm 2007, sau đó thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị N và anh B trình bày là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cự cải nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N và anh B thống nhất ly hôn nhau, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh B chung sống với nhau từ năm 2006, nhưng từ đó đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, như vậy việc chung sống của anh chị đã vi phạm quy định tại Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

" 1. *Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch*.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Đồng thời theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình: *"Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con chung và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*".

Căn cứ vào quy định trên, Hội đồng xét xử tuyên bố: Không công nhận chị Phan Thị N và anh Đặng Văn B là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Phan Thị N và anh Đặng Văn B chung sống có 01 con chung tên Đặng Hoài K, sinh ngày 18/01/2007 (hiện cháu K đang sống chung với chị N). Nay ly hôn, chị N và anh B tự thỏa thuận thống nhất với nhau: Anh B đồng ý giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K (điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K), anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N tự nguyện không yêu cầu. Chị Phan Thị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đặng Văn B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung : Chị N và anh B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị N và anh B trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã HN phát biểu ý kiến về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận chị Phan Thị N và anh Đặng Văn B là vợ chồng, đồng thời giao cháu Đặng Hoài K cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định, theo đó:

Nguyên đơn chị Phan Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0007329 ngày 10/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN, chị Phan Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Đặng Văn B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Phan Thị N và anh Đặng Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Phan Thị N và anh Đặng Văn B: Chị Phan Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đặng Hoài K, sinh ngày 18/01/2007 (hiện cháu Kháng đang sống chung với chị N), điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu K. Anh Đặng Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Phan Thị N tự nguyện không yêu cầu. Chị Phan Thị N cùng các thành

viên gia đình không được cản trở anh Đặng Văn B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phan Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0007329 ngày 10/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN, chị Phan Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Phan Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/11/2019).

Bị đơn Đặng Văn B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TX. HN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Thống